TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 38/2022/HSST Ngày 12 tháng 4 năm 2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HƯNG YÊN

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Thư ký phiên toà: Ông Đào Tiến Đạt – Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y - tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 31/2022/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 4 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1983. Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Chỗ ở hiện tại: thôn O, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Họ, tên bố: Nguyễn Văn C. Sinh năm 1955. Nghề nghiệp: Tự do. Họ, tên mẹ: Nguyễn Thị T2. Sinh năm: 1964. Nghề nghiệp: Tự do. Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai. Họ tên vợ: Nguyễn Thị N1. Sinh năm: 1989. Nghề nghiệp: Tự do. Bị cáo có 02 con đều sinh năm 2009. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 08/11/2011 bị Công an huyện K, tỉnh Hưng Yên xử phạt vi phạm hành chính phạt tiền về hành vi Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/01/2022 đến 27/01/2022. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1989. Sinh trú quán: thôn M, xã N2, huyện A1, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12. Họ, tên bố: Nguyễn Văn Đ1. Sinh năm 1964. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ, tên mẹ: Tạ Thị H2. Sinh năm: 1964. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/01/2022 đến 27/01/2022. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Đoàn Tuấn A**, sinh năm 1989. Sinh trú quán: thôn C, xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Họ, tên bố: Đoàn Văn U, Sinh năm 1955. Nghề nghiệp: Tự do. Họ, tên mẹ: Ngô Thị T3. Sinh năm: 1950. Nghề nghiệp: Tự do. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ: Nguyễn Thị V. Sinh năm 1989. Nghề nghiệp: Công nhân. Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/01/2022 đến 27/01/2022. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Văn T**, sinh năm 1986. Sinh trú quán: thôn N2, xã X, huyện A1, tỉnh Hưng 0do. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Họ, tên bố: Lê Văn R . Sinh năm 1959. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ, tên mẹ: Lưu Thị S, Sinh năm: 1965. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ: Hoàng Thị E. Sinh năm 1986. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Con: Có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 53/2008/HSPT ngày 17/12/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/01/2022 đến 27/01/2022. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Văn Q**, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: thôn R1, xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Chỗ ở: thôn L1, xã L2, huyện Y, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Họ, tên bố: Nguyễn Văn H2. Sinh năm 1965. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Họ, tên mẹ: Phạm Thị Ngoan. Sinh năm: 1965. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai. Họ tên vợ: Nguyễn Thị P. Sinh năm: 1997. Nghề nghiệp: Tự do. Bị cáo có 01 sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/01/2022 đến 27/01/2022. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

* **Người làm chứng**:

- Anh Đặng Tiến D1, Sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn O, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên

- Anh Vương Mạnh Th, sinh năm 1981; (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Nhân Vũ, xã N2, A1, tỉnh Hưng Yên

- Anh Hà Văn G, Sinh năm 1989. (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Y1, xã P1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 21/01/2022 tại phòng trọ của gia đình ông Đặng Tiến D1 ở thôn O, thị trấn huyện Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn N, Đoàn Tuấn A, Lê Văn T, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn D rủ nhau cùng chơi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền thì bị Công an huyện Y phát hiện bắt quả tang.

Hình thức và cách thức chơi: Chơi ba cây ăn tiền, N lấy bộ tú lơ khơ 52 quân từ quân A đến quân K, lọc 36 quân từ A đến 9 để đanh bạc, còn 16 quân bài từ quân 10 đến quân K N để tại đầu giường. Khi chơi, người cầm chương sử dụng bộ bài tú lơ khơ 36 quân chia đều cho mỗi người chơi 03 quân bài, quy định mức đặt cửa thấp nhất là 10.000 đồng, cao hơn tùy ý, sau khi chia bài xong thì người chơi lên bài và cộng tổng điểm của ba quân bài lại và so với điểm của người cầm chương, điểm được tính làm tròn (Ví dụ 6.6.8 = 20 điểm = 10 điểm), bài được 10 điểm là to nhất, 1 điểm là nhỏ nhất, nếu bài trùng điểm thì sẽ so chất, lần lượt từ to xuống nhỏ là Chất Rô, Cơ, Tép, Bích. Người cầm chương sẽ thanh toán tiền thắng thua với người chơi, ai được 10 điểm sẽ được nhân đôi tiền đặt cược và sẽ được làm chương.

Vật chứng thu giữ gồm: tại vị trí các đối tượng ngồi đánh bạc số tiền 8.000.000 đồng (vị trí N ngồi 1.100.000 đồng; vị trí Q ngồi 600.000 đồng; vị trí D ngồi 3.900.000 đồng; vị trí Tuấn A ngồi 1.300.000 đồng và vị trí T ngồi 1.100.000 đồng) và 36 quân bài tú lơ khơ; trên giường 16 quân bài ; 01 chăn màu đỏ trắng kích thước (1,6x1,81)m. Kiểm tra trên người các đối tượng không thu giữ gì.

Quá trình điều tra các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi đánh bạc với số tiền 8.000.000 đồng thu giữ nêu trên. Khi chơi không có ai canh gác, thu tiền hồ.

Nguyễn Văn N khai khi đi mang theo số tiền 2.000.000đồng, sử dụng hết để đánh bạc, đến khi phát hiện thua 900.000đồng, còn lại 1.100.000đồng khi bị bắt để tại vị trí chiếu bạc chỗ bị cáo ngồi.

Đoàn Tuấn A khai khi đi mang theo số tiền 1.900.000đồng sử dụng hết để đánh bạc, khi bị bắt thua 600.000đồng, số tiền 1.300.000đồng để tại vị trí chiếu bạc chỗ bị cáo ngồi.

Nguyễn Văn T khai khi đi mang theo số tiền 800.000đồng sử dụng hết để đánh bạc, khi bị bắt đang thắng 300.000đồng, tất cả để tại vị trí chiếu bạc.

Nguyễn Văn Q khai khi đi mang theo số tiền 800.000đồng sử dụng hết để đánh bạc, khi bị bắt thua 200.000đồng, số tiền 600.000đồng để tại vị trí chiếu bạc chỗ bị cáo ngồi.

Nguyễn Văn D khai khi đi mang theo số tiền 2.500.000đồng sử dụng hết để đánh bạc, khi bị bắt thắng 1.400.000đồng, để tất cả tại vị trí chiếu bạc chỗ bị cáo ngồi.

Đối với ông Đặng Tiến D1 chủ nhà trọ của N không biết các đối tượng chơi đánh bạc tại phòng trọ do ông quản lý nên không xem xét xử lý.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 42/QĐ-VKS-YM ngày 26/03/2022 của Viện kiểm sát huyện Y đã truy tố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Đoàn Tuấn A và Nguyễn Văn Q phạm tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên toà có quan điểm xác định sự vắng mặt của người làm chứng tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố; Sau khi phân tích, đánh giá, tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn N, Đoàn Tuấn A và Nguyễn Văn Q phạm tội *"Đánh bạc"*.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2 Điều 65 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Lê Văn T và Nguyễn Văn N. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn D, Đoàn Tuấn A, Nguyễn Văn Q.

Áp dụng Điều 92 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo T và N.

Áp dụng Điều 100 Luật thi hành án hình sự đối với các bị cáo D, Tuấn A và Q.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn D, Đoàn Tuấn A mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo Tuấn A, D, Q được trừ 18 ngày Cải tạo không giam giữ do trước đó các bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày.

Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án và thử thách.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy: 36 quân bài tú lơ khơ, 16 quân bài trên giường; 01 chăn màu đỏ trắng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng đã thu giữ tại chiếu bạc

- Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Các bị cáo đều có ý kiến đề nghị tiếp tục xét xử vụ án và xin được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất, cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa: Bị cáo và đại diện VKSND huyện Y đều đề nghị tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra người làm chứng vắng mặt đã có đầy đủ lời khai, thể hiện rõ quan điểm nên sự vắng mặt của họ tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử bị cáo cũng như Q lợi của họ. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản phạm tội quả tang và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: khoảng 21 giờ 00 phút ngày 21/01/2022 tại phòng trọ của gia đình ông Đặng Tiến D1, sinh năm 1977 ở thôn O, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên, Nguyễn Văn N, Đoàn Tuấn A, Lê Văn T, Nguyễn Văn Q, và Nguyễn Văn D, rủ nhau cùng chơi ba cây sát phạt nhau bằng tiền thì bị bắt quả tang, số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc là 8.000.000 đồng.

Trong vụ án này, các bị cáo đều giữ vai trò là đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành.

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, Viện KSND huyện Y truy tố các bị cáo đều về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm hại đến an toàn, trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an, gây bức xúc trong dư luận. Do đó việc áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của các bị cáo là cần thiết.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và hoàn cảnh kinh tế khó khăn có xác nhận của chính quyền

địa phương nơi các bị cáo cư trú nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo N, D, Q, Tuấn A đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo N đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp năm 2011, hiện đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quá 6 tháng, bị cáo T đã từng bị xử phạt về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ năm 2008 đã được xóa án tích nên theo quy định tại mục 2 Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì bị cáo N, T là các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đều có nơi cư trú rõ ràng nên việc cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao các bị cáo cho chính quyền nơi cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung đối với bị cáo N, T.

Đối với các bị cáo Tuấn A, Q, D đều là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nơi cư trú rõ ràng nên việc cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong một thời gian nhất định cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo cũng như đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm nói chung.

[3] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo đều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo N, T và miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Tuấn A, Q và D.

[4] Về xử lý vật chứng:

Đối với 36 quân bài và 16 quân bài tú lơ khơ đã thu giữ; 01 chăn màu đỏ trắng kích thước (1,6x1,81)m liên quan đến tội phạm và không có giá trị nên tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc, liên quan đến tội phạm, do vậy cần Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về áp dụng pháp luật:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1,2 Điều 65; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T, N. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo N.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i , s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Diều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với tất cả các bị cáo Tuấn A, Q, D.

2. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn D, Đoàn Tuấn A, Lê Văn T, Nguyễn Văn Q phạm tội *"Đánh bạc"*.

3. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo N cho UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án và thử thách.

Giao bị cáo T cho UBND xã X, huyện A1, tỉnh Hưng Yên theo dõi, giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án và thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bán án trước đó và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi số ngày tạm giữ 06 (sáu) ngày (từ 21/01/2022 đến 27/01/2022), quy đổi 03x6 = 18 ngày. Các bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt các bị cáo Đoàn Tuấn A, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ đi số ngày tạm giữ 06 (sáu) ngày (từ 21/01/2022 đến 27/01/2022), quy đổi 03x6 = 18 ngày. Các bị cáo còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã N2, A1, tỉnh Hưng Yên và UBND xã T1, huyện Y, tỉnh Hưng Yên và UBND xã Y, huyện L, tỉnh Thanh Hóa nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T, N.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo D, Anh, Q.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu cho tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ; 01 chăn màu đỏ trắng kích thước (1,6x1,81)m.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng)*.

(Tình trạng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y)

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo N, T, D, Tuấn A, Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Nhiên

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA dân sự huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Người TGTT;
- UBND xã T1;
- UBND xã N2 và xã X; huyện A1, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Y, huyện L, Thanh Hóa;
- UBND xã H, huyện Đ, Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.